

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0500227640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 20 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 99,9 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD3 Investment and Construction Joint Stock Company.
Tên viết tắt: HUD3., JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Hose) với mã chứng khoán: HU3.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Vương Đăng Phương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoàng Tùng	Thành viên
Ông Lê Ngọc Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)
Ông Bùi Huy Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên
Ông Tạ Duy Hưng	Thành viên (Trúng cử ngày 22/4/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng Ban
Ông Tạ Duy Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)
Bà Trần Thị Thùy Dung	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên (Trúng cử ngày 22/4/2021)

Ban Giám đốc

Ông Đinh Hoàng Tùng	Giám đốc
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc
Ông Võ Duy Hiến	Phó Giám đốc
Ông Bùi Huy Thông	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Impact.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kê cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đình Hoàng Tùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021

Số: 219/2021/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM - NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3, được lập ngày 09/08/2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Theo thuyết minh số 5.7 và 5.13 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Công trình Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ - Xí nghiệp cơ khí Quang Trung đã hoàn thành bàn giao cho Chủ đầu tư và chưa được quyết toán. Với các tài liệu hiện có, Chúng tôi chưa xác định được giá trị doanh thu còn được Chủ đầu tư chấp nhận thanh toán và chi phí giá vốn còn phải ghi nhận. Do đó chúng tôi không đủ cơ sở để kết luận về khả năng thu hồi đối với giá trị dở dang tại 30/6/2021, cũng như xác định được dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) và ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trong Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 01a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		263.761.710.565	223.704.591.399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.590.944.381	3.804.131.012
1. Tiền	111		4.590.944.381	3.804.131.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.702.776.321	101.078.760.344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	83.108.192.270	72.802.562.828
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	46.583.656.484	1.769.826.735
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	5.894.421.000	5.894.421.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	28.072.841.949	29.568.285.163
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(8.956.335.382)	(8.956.335.382)
IV. Hàng tồn kho	140		97.969.958.527	117.255.342.342
1. Hàng tồn kho	141	5.7	97.969.958.527	117.255.342.342
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.498.031.336	1.566.357.701
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	1.498.031.336	1.566.357.701
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		37.454.745.762	38.689.065.658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.511.864.440	35.756.094.708
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	34.511.864.440	35.756.094.708
<i>Nguyên giá</i>	222		54.576.403.373	54.432.403.373
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20.064.538.933)	(18.676.308.665)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		696.616.816	696.616.816
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	696.616.816	696.616.816
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	1.312.279.856	1.312.279.856
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.610.000.000	2.610.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.297.720.144)	(1.297.720.144)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		933.984.650	924.074.278
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	933.984.650	924.074.278
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		301.216.456.327	262.393.657.057

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 01a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

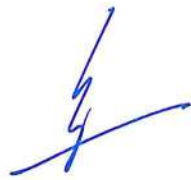
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		153.486.428.801	111.662.583.759
I. Nợ ngắn hạn	310		153.486.428.801	111.662.583.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	7.130.903.764	5.810.289.364
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	28.503.820.439	26.692.249.577
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	-	49.050.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	7.962.927.045	6.948.846.141
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	49.161.783.639	49.892.517.388
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	58.037.002.650	19.083.139.165
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.689.991.264	3.186.491.264
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.730.027.526	150.731.073.298
(400 = 410 + 430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	147.730.027.526	150.731.073.298
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.999.440.000	99.999.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.999.440.000	99.999.440.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.973.903.553	26.973.903.553
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.756.683.973	23.757.729.745
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.420.746.545	22.324.610.674
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		335.937.428	1.433.119.071
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		301.216.456.327	262.393.657.057
(440 = 300 + 400)				

Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Liên

Kế toán trưởng


Lại Huy Mạnh

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021




Đinh Hoàng Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	68.146.276.361	41.725.382.504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.129.381.116
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	68.146.276.361	40.596.001.388
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	60.150.265.526	31.625.771.834
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.996.010.835	8.970.229.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	321.835.786	397.446.170
7. Chi phí tài chính	22	6.4	526.882.367	2.957.148.340
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		526.882.367	2.957.148.340
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	933.157.583	578.870.225
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.073.470.051	5.906.047.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		784.336.620	(74.390.740)
11. Thu nhập khác	31		21.863.636	479.132.884
12. Chi phí khác	32		-	56.089.245
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.7	21.863.636	423.043.639
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		806.200.256	348.652.899
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	470.262.828	81.869.549
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		335.937.428	266.783.350
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	34	27

Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Hiền

Kế toán trưởng


Lại Huy Mạnh

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021

Giám đốc




Đinh Hoàng Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 03a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		806.200.256	348.652.899
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		1.388.230.268	1.174.516.572
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(321.835.786)	(397.446.170)
- Chi phí lãi vay	06		526.882.367	2.957.148.340
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.399.477.105	4.082.871.641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(53.555.689.612)	30.717.919.886
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.285.383.815	4.992.177.342
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(440.764.471)	(26.401.259.573)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.910.372)	558.734.044
- Tiền lãi vay đã trả	14		(526.882.367)	(2.957.148.340)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.758.295)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(496.500.000)	(2.246.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.344.885.902)	8.744.436.705
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & TSDH khác	21		(144.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		321.835.786	397.446.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		177.835.786	397.446.170
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		57.887.002.650	38.385.758.697
4. Chi trả nợ gốc vay	34		(18.933.139.165)	(82.956.277.533)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(983.321.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.953.863.485	(45.553.840.677)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.786.813.369	(36.411.957.802)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	3.804.131.012	38.661.957.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	9.590.944.381	2.249.999.974

Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Liên

Kế toán trưởng



Lại Huy Mạnh

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021



Giám đốc


Đinh Hoàng Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0500227640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 20 tháng 09 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 14 ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 là 99.999.440.000 đồng.

Công ty hiện đang Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HU3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021: 82 người (Tại 31/12/2020: 86 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội.
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình.
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản cho vay: Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các Đội xây dựng là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bất động sản

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm xây lắp, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập hiện hành đang áp dụng là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt (VND)	536.676.839	369.450.100
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	4.054.267.542	3.434.680.912
Các khoản tương đương tiền (VND)	5.000.000.000	-
Tổng	9.590.944.381	3.804.131.012

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Lộc Ninh	10.243.696.012	11.243.696.012
Công ty Cổ phần Tasco	4.593.367.856	5.770.030.799
Công ty PT Nhà Phong Phú - Deawon- Thủ Đức	373.772.097	373.772.097
Công ty TNHH Vintep Hà Nội (i)	9.919.373.271	9.919.373.271
Công ty TNHH MSC Việt Nam	26.247.024.000	8.260.286.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	19.074.806.812	18.172.786.674
Công ty CP Đầu tư PT Đô thị Kiến Hưng	-	3.700.297.800
Các khách hàng khác	12.656.152.222	15.362.320.175
Tổng	83.108.192.270	72.802.562.828
<i>Trong đó phải thu bên liên quan</i>		
<i>Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>19.074.806.812</i>	<i>18.172.786.674</i>

(i): Khoản nợ đang chờ hết thời hạn bảo hành công trình và quyết toán.

5.3 Trả trước cho người bán

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Xây lắp và PT Nhà HUD 3.2 (*)	1.427.295.484	1.427.295.484
Công ty TNHH TV thiết kế Kiến trúc QH Trần Giang	105.777.000	105.777.000
TCT Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (**)	44.913.084.000	-
Các khách hàng khác	137.500.000	236.754.251
Tổng	46.583.656.484	1.769.826.735
<i>Trong đó trả trước cho bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại 7.1)</i>	<i>44.913.084.000</i>	<i>-</i>

(*) Đang chờ hoàn thành hồ sơ để quyết toán.

(**) Tiền đặt cọc 40% giá trị Hợp đồng dự án Khu Đô thị HUD - Sơn Tây Giai đoạn 2.

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2020 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyễn Trung Hùng (*)	5.037.300.000	-	5.037.300.000	-
Đàm Bắc Hà	837.121.000	-	837.121.000	-
Đỗ Quang Huy	20.000.000	-	20.000.000	-
Tổng	5.894.421.000	-	5.894.421.000	-

(*) Khoản phải thu về cho vay sẽ được bù trừ với khoản HUD3 phải trả Ông Hùng về giao khoản công trình Vintep Hà Nội là 5.959.352.023 đồng sau khi HUD3 quyết toán xong công trình với Chủ đầu tư (Công ty TNHH Vintep Hà Nội).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Phải thu khác

	30/6/2020 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.823.672.304	-	2.534.426.266	-
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh (i)	926.112.667	-	926.112.667	-
Phải thu phí dịch vụ Vân canh	745.722.000	-	745.722.000	-
Tạm ứng các Đội thi công	21.796.546.317	-	23.581.235.569	-
Phải thu khác (i)	1.780.788.661	-	1.780.788.661	-
Tổng	28.072.841.949	-	29.568.285.163	-

(i): Công nợ đang chờ quyết toán với Chủ đầu tư để hoàn tạm ứng hoặc thu hồi.

5.6 Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	9.710.543.995	754.208.613	9.710.543.995	754.208.613
Trong đó:	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Sông Đà - Thăng Long				409.454.071
Đỗ Huy Sâm				5.047.396.103
Công ty xây dựng CTGT 873				1.644.452.208
Ngân hàng NN và PTNT Từ Liêm				1.855.033.000
Tổng				8.956.335.382

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	97.969.958.527	-	117.255.342.342	-
Tổng	97.969.958.527	-	117.255.342.342	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang một số công trình lớn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án Khu đô thị Kiến Hưng, TP. Hà Đông	-	2.360.841.980
Công trình 23 Duy Tân	-	12.591.220.553
Dự án 60 Nguyễn Đức Cảnh	16.887.868.080	16.736.700.587
Dự án Mai Trai - Sơn Tây	-	26.760.821.262
Nhà máy chế tạo Thiết bị nâng hạ - Xí nghiệp cơ khí Quang Trung (i)	24.737.248.665	24.737.248.665
Dự án liên kết LK22-LK24	19.476.321.427	-
Thi công xây trát dự án Champarama Resort	6.008.534.273	-
Công trình khác	30.859.986.082	34.068.509.295
Tổng	97.969.958.527	117.255.342.342

(i): Công trình Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ của Xí nghiệp tư doanh cơ khí Quang Trung (Chủ đầu tư) được thi công xong từ năm 2010 nhưng vẫn chưa được Chủ đầu tư nghiệm thu, quyết toán.

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư ngày 01/01/2021	35.260.926.535	10.996.836.773	7.824.752.758	349.887.307	54.432.403.373
Mua trong kỳ	-	144.000.000	-	-	144.000.000
Số dư ngày 30/6/2021	35.260.926.535	11.140.836.773	7.824.752.758	349.887.307	54.576.403.373
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư ngày 01/01/2021	6.860.750.873	4.726.611.633	6.810.072.743	278.873.416	18.676.308.665
Khấu hao trong kỳ	690.648.453	405.252.285	285.129.530	7.200.000	1.388.230.268
Số dư ngày 30/6/2021	7.551.399.326	5.131.863.918	7.095.202.273	286.073.416	20.064.538.933
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	28.400.175.662	6.270.225.140	1.014.680.015	71.013.891	35.756.094.708
Tại ngày 30/6/2021	27.709.527.209	6.008.972.855	729.550.485	63.813.891	34.511.864.440

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/6/2021: 4.711.994.793

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020: 4.559.085.702

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án T1-T11, CT18 Việt Hưng (*)	696.616.816	696.616.816	696.616.816	696.616.816
Tổng	696.616.816	696.616.816	696.616.816	696.616.816

(*) Công ty đang chờ Cục quản lý công sản Bộ Tài chính tiếp nhận diện tích Ki - ốt tầng 1 CT18 Khu đô thị Việt Hưng.

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nikko Việt Nam	2.610.000.000	(1.297.720.144)	1.312.279.856	2.610.000.000	(1.297.720.144)	1.312.279.856
Tổng	2.610.000.000	(1.297.720.144)	1.312.279.856	2.610.000.000	(1.297.720.144)	1.312.279.856

Vốn Điều lệ Công ty Cổ phần Nikko Việt Nam: 70.922.460.000 VND tương đương với 7.092.246 cổ phần (mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 hiện đang nắm giữ: 214.200 cổ phần, tương đương 3% Vốn Điều lệ. Theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ – ĐHCĐ ngày 30/03/2018, Đại hội cổ đông HUD3 thông qua chủ trương thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Nikko Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án thoái vốn. Đến thời điểm 30/6/2021, Công ty chưa tìm được đối tác phù hợp để chuyển nhượng nên khoản đầu tư này đang được phân loại là dài hạn.

Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	933.984.650	924.074.278
Tổng	933.984.650	924.074.278

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP XL và PT nhà HUD 3.2 Cao Hoa Cường	1.431.028.681	1.431.028.681	1.431.028.681	1.431.028.681
Nguyễn Trung Hùng	2.251.528.377	2.251.528.377	-	-
Công ty CP XL và PT nhà HUD 3.3	1.966.904.409	1.966.904.409	1.966.904.409	1.966.904.409
Công ty DV và QL đô thị HUD 3S	959.252.605	959.252.605	1.259.252.605	1.259.252.605
Các đối tượng khác	-	-	408.418.177	408.418.177
	522.189.692	522.189.692	744.685.492	744.685.492
Tổng	7.130.903.764	7.130.903.764	5.810.289.364	5.810.289.364

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	2.086.895.877	8.661.118.604
Xí nghiệp cơ khí Quang Trung (*)	7.548.948.182	7.548.948.182
Công ty CP Tập đoàn Danko	4.000.000.000	4.000.000.000
Khách hàng thanh toán theo tiến độ dự án BĐS	-	6.400.182.791
Công ty CP XD và PT cơ sở hạ tầng số 9 Hà Nội	11.271.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	3.596.976.380	82.000.000
Tổng	28.503.820.439	26.692.249.577
<i>Trong đó phải trả bên liên quan (Chi tiết tại 7.1)</i>	<i>2.086.895.877</i>	<i>8.661.118.604</i>

(*) Khoản ứng trước cho Hợp đồng thi công dự án-Nhà máy chế tạo-thiết bị nâng hạ - Xí nghiệp cơ khí Quang Trung.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		30/6/2021 (VND)	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	48.222.271	1.360.753.295	1.704.900.300	295.924.734	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.566.357.701	-	470.262.828	-	1.096.094.873	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	828.589	18.867.892	125.708.210	106.011.729	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng	1.566.357.701	49.050.860	1.852.884.015	1.833.608.510	1.498.031.336	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí dự án kinh doanh bất động sản	7.962.927.045	6.948.846.141
Tổng	7.962.927.045	6.948.846.141

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	80.258.612	27.007.867
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.589.991.768	4.590.008.568
Các khoản phải trả khác	41.491.533.259	45.275.500.953
- Phải trả các Đội thi công tiền công trình	25.105.639.765	29.215.784.734
- Phí bảo trì dự án HUD Tower, Hanel-HUD3	12.348.371.771	12.435.861.771
- Tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	2.923.454.729	2.923.454.729
- Phải trả lãi tiền vay	268.724.984	249.039.027
- Tiền đặt cọc sửa chữa căn hộ	252.329.364	404.895.764
- Các khoản khác	593.012.646	46.464.928
Tổng	49.161.783.639	49.892.517.388

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay ngắn hạn	01/01/2021 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		30/6/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (1)	13.233.139.165	13.233.139.165	21.132.002.650	13.233.139.165	21.132.002.650	21.132.002.650
Vay tổ chức, cá nhân khác (2)	5.850.000.000	5.850.000.000	36.755.000.000	5.700.000.000	36.905.000.000	36.905.000.000
Tổng	19.083.139.165	19.083.139.165	57.887.002.650	18.933.139.165	58.037.002.650	58.037.002.650

Trong đó: vay của các bên liên quan (Chi tiết tại 7.1)

3.000.000.000 3.000.000.000

(1): Hợp đồng tín dụng số 01/2020/177867/HDTD ngày 06/08/2020, hạn mức: 110 tỷ VND, thời hạn vay đến hết ngày 25/7/2021, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành. Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải và Trụ sở văn phòng Công ty.

(2): Các khoản vay tổ chức, cá nhân khác với lãi suất 13,5%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn cho dự án HUD – Sơn Tây giai đoạn 2, khoản cho vay có thời hạn từ 09 tháng đến 12 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tin chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.18 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2020	99.999.440.000	26.973.903.553	32.994.960.274	159.968.303.827
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.433.119.071	1.433.119.071
Trích lập các quỹ	-	-	1.670.400.000	1.670.400.000
Chia cổ tức	-	-	8.999.949.600	8.999.949.600
Số dư 31/12/2020	99.999.440.000	26.973.903.553	23.757.729.745	150.731.073.298
Số dư 01/01/2021	99.999.440.000	26.973.903.553	23.757.729.745	150.731.073.298
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	335.937.428	335.937.428
Trích lập các quỹ (*)	-	-	337.000.000	337.000.000
Chia cổ tức (*)	-	-	2.999.983.200	2.999.983.200
Số dư 30/6/2021	99.999.440.000	26.973.903.553	20.756.683.973	147.730.027.526

(*) Chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021.

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	51.000.000.000	51.000.000.000
Cổ đông khác	48.999.440.000	48.999.440.000
Tổng	99.999.440.000	99.999.440.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp tại ngày đầu kỳ	99.999.440.000	99.999.440.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối kỳ	99.999.440.000	99.999.440.000
Cổ tức đã chia	-	-

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 22/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020, theo đó mức chi trả cổ tức là 2.999.984.200 đồng (tương ứng với 3% Vốn điều lệ).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	<u>30/6/2021</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>01/01/2021</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Cho kỳ kế toán</u> <u>6 tháng kết thúc</u> <u>ngày 30/6/2021</u> <u>VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u> <u>6 tháng kết thúc</u> <u>ngày 30/6/2020</u> <u>VND</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	34.193.899.573	22.423.328.182
Doanh thu kinh doanh bất động sản	32.715.126.143	18.337.523.732
Doanh thu dịch vụ khác	1.237.250.645	964.530.590
Tổng	<u>68.146.276.361</u>	<u>41.725.382.504</u>
Giảm trừ doanh thu hoạt động xây lắp	-	1.129.381.116
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	34.193.899.573	21.293.947.066
Doanh thu kinh doanh bất động sản	32.715.126.143	18.337.523.732
Doanh thu dịch vụ khác	1.237.250.645	964.530.590
Tổng doanh thu thuần	<u>68.146.276.361</u>	<u>40.596.001.388</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	32.487.095.122	20.682.975.784
Giá vốn kinh doanh bất động sản	27.663.170.404	10.942.796.050
Tổng	60.150.265.526	31.625.771.834

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	321.835.786	397.446.170
Tổng	321.835.786	397.446.170

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi vay	526.882.367	2.957.148.340
Tổng	526.882.367	2.957.148.340

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	933.157.583	578.870.225
Tổng	933.157.583	578.870.225

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.347.507.038	2.971.748.878
Chi phí vật liệu quản lý	196.996.493	159.311.596
Chi phí khấu hao	1.347.363.117	1.174.516.572
Thuế, phí, lệ phí	13.367.040	32.024.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.946.897	92.085.253
Chi phí khác bằng tiền	955.289.466	1.476.361.290
Tổng	6.073.470.051	5.906.047.899

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác	21.863.636	479.132.884
Thu nhập từ tiền đặt cọc	-	77.748.500
Lãi chậm nộp các căn hộ	-	8.062.000
Thanh lý CCDC, phế liệu	-	115.798.182
Thu nhập khác	21.863.636	277.524.202
Chi phí khác	-	56.089.245
Chi phí khác	-	56.089.245
Lợi nhuận khác	21.863.636	423.043.639

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	806.200.256	348.652.899
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	103.086.078	60.694.844
Thu nhập chịu thuế	909.286.334	409.347.743
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	181.857.267	81.869.549
Điều chỉnh thuế TNDN 2020 theo số quyết toán	288.405.561	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	470.262.828	81.869.549

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	335.937.428	266.783.350
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	335.937.428	266.783.350
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.999.944	9.999.944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	27

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.10 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	23.405.581.605	15.629.677.335
Chi phí nhân công	14.162.426.296	11.784.717.587
Chi phí sử dụng máy thi công	1.342.130.433	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.347.363.117	1.174.516.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.515.789.298	7.365.039.662
Chi phí khác bằng tiền	955.289.466	2.055.231.515
Tổng	46.728.580.215	38.009.182.671

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
TCT Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD	Công ty Mẹ	51%
Bà Nguyễn Thị Kim Quế	Vợ của Chủ tịch HĐQT	0%
HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban TGD	Nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt	Theo Điều lệ tổ chức hoạt động

Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt

Phụ cấp của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ông Vương Đăng Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	146.448.000	148.862.500
Ông Đinh Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Ngọc Vinh	Thành viên HĐQT	-	14.250.000
Ông Bùi Huy Thông	Thành viên HĐQT	18.000.000	10.500.000
Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên HĐQT	18.000.000	10.500.000
Ông Tạ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	7.431.818	-
Tổng		207.879.818	202.112.500

Lương, phụ cấp của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	79.365.740	24.000.000
Bà Trần Thị Minh	Thành viên Ban kiểm soát	43.904.196	-
Bà Trần Thị Thùy Dung	Thành viên Ban kiểm soát	57.973.956	4.900.000
Tổng		181.243.892	28.900.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)*Tiền lương và thu nhập khác của Ban Giám đốc, Người công bố thông tin*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Đinh Hoàng Tùng	Giám đốc	97.848.000	101.380.500
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc	88.248.000	-
Ông Võ Duy Hiên	Phó Giám đốc	87.219.000	-
Bà Ngô Hương Giang	Người công bố thông tin	44.387.954	-
Tổng		317.702.954	101.380.500

Giao dịch với bên liên quan

Giao dịch với Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Chi phí chuẩn bị thực hiện dự án	-	1.856.857.346
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Trả trước tiền dự án	44.913.084.000	-
Bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Giảm trừ doanh thu xây lắp	-	957.333.068
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Chi phí xây dựng, thực hiện dự án	7.476.242.865	-
Giao dịch khác			
Bà Nguyễn Thị Kim Quế	Đi vay	-	-

Số dư với các bên liên quan

Nội dung	Nội dung giao dịch	30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
1. Phải thu khách		19.074.806.812	18.172.786.674
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Chi phí xây dựng, thực hiện dự án	19.074.806.812	18.172.786.674
2. Trả trước cho người bán		44.913.084.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Trả trước tiền dự án	44.913.084.000	-
3. Phải trả người bán ngắn hạn		-	-
4. Người mua trả tiền trước		2.086.895.877	8.661.118.604
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Trả trước tiền thi công xây dựng	2.086.895.877	8.661.118.604
5. Vay ngắn hạn		-	3.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Quế	Đi vay	-	3.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xây lắp, kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 6 năm 2021*Đơn vị tính: VND*

Tài sản và Nợ tại 30/6/2021	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	-	-	34.511.864.440
Xây dựng cơ bản dở dang	696.616.816	-	-	54.576.403.373
Các khoản phải thu	77.797.923.658	5.217.184.300	93.084.312	83.108.192.270
Chi phí SX, KD dở dang	79.616.520.942	16.963.913.535	1.389.524.050	97.969.958.527
Tài sản không thể phân bổ				31.050.037.717
Tổng tài sản	158.111.061.416	22.181.097.835	1.482.608.362	301.216.456.327
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	32.236.543.529	280.424.151	-	32.516.967.680
Phải trả tiền vay	21.132.002.650	36.905.000.000	-	58.037.002.650
Nợ phải trả không thể phân bổ				21.108.613.429
Tổng nợ phải trả	53.368.546.179	37.185.424.151	-	111.662.583.759

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021*Đơn vị tính: VND*

Kết quả hoạt động kinh doanh từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng
DOANH THU				
Doanh thu theo lĩnh vực	34.193.899.573	32.715.126.143	1.237.250.645	68.146.276.361
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Lãi (lỗ) gộp	1.706.804.451	5.051.955.739	1.237.250.645	7.996.010.835
Doanh thu hoạt động tài chính				321.835.786
Chi phí tài chính				(526.882.367)
Chi phí quản lý kinh doanh				(7.006.627.634)
Lợi nhuận khác				21.863.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(470.262.828)
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế				335.937.428

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2020***Đơn vị tính: VND*

Tài sản và Nợ tại 01/1/2021	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh		Tổng cộng
		Bất động sản	Hoạt động khác	
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	-	-	35.756.094.708
Xây dựng cơ bản dở dang	696.616.816	-	-	696.616.816
Các khoản phải thu	88.367.361.832	8.004.238.900	-	96.371.600.732
Chi phí SX, KD dở dang	72.368.296.443	43.497.521.849	-	115.865.818.292
Tài sản không thể phân bổ				13.703.526.509
Tổng tài sản	161.432.275.091	51.501.760.749	-	262.393.657.057
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	32.484.506.221	22.626.649.206	-	55.111.155.427
Phải trả tiền vay	13.233.139.165	5.850.000.000	-	19.083.139.165
Nợ phải trả không thể phân bổ				37.468.289.167
Tổng nợ phải trả	45.717.645.386	28.476.649.206	-	111.662.583.759

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2020*Đơn vị tính: VND*


Kết quả hoạt động kinh doanh từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh		Tổng cộng
		Bất động sản	Hoạt động khác	
DOANH THU				
Doanh thu theo lĩnh vực	21.293.947.066	18.337.523.732	964.530.590	40.596.001.388
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(440.305.244)	1.961.086.084	964.530.590	2.485.311.430
Doanh thu hoạt động tài chính				397.446.170
Chi phí tài chính				(2.957.148.340)
Lợi nhuận khác				423.043.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(81.869.549)
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế				266.783.350

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty được soát xét.

Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Thiên

Kế toán trưởng

Lại Huy Mạnh



Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021

Giám đốc

Đình Hoàng Tùng

Số: 104 /CV-HUD3

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
6 tháng năm 2021 so với 6 tháng năm 2020 đã
được kiểm toán

Hà nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Thực hiện quy định tại nội dung Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với các Công ty đại chúng, tổ chức niêm yết.

Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD3 (mã chứng khoán HU3) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2021 so với báo cáo 6 tháng năm 2020, cụ thể như sau:

* Lợi nhuận sau thuế công ty đạt 0,335 tỷ đồng, chênh lệch tăng 0,069 tỷ đồng (tương đương 25,9%) so với cùng kỳ năm 2020 (Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2020 là 0,266 tỷ đồng).

Nguyên nhân lợi nhuận tăng là do:

- Do doanh thu của dự án HUD Sơn Tây đã được ghi nhận hết trong kỳ, Ngoài ra Công ty thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm chi phí quản lý. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính 6 tháng năm 2021 tăng so với năm 2020 đã được kiểm toán.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VT, TCKT, CBTT.



Dinh Hoàng Dũng

Số: 105 /CV-HUD3

V/v Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ
trong BCTC 6 tháng năm 2021

Hà nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Thực hiện quy định tại nội dung Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với các Công ty đại chúng, tổ chức niêm yết.

Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD3 (mã chứng khoán HU3) xin giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC 6 tháng năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

Theo ý kiến của kiểm toán viên: Công trình Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ - Xí nghiệp cơ khí Quang Trung đã hoàn thành bàn giao cho Chủ đầu tư và chưa được quyết toán. Với các tài liệu hiện có, Chúng tôi chưa xác định được giá trị doanh thu còn được Chủ đầu tư chấp nhận thanh toán và chi phí giá vốn còn phải ghi nhận. Do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá về khả năng thu hồi đối với giá trị dở dang tại ngày 30/06/2021, cũng như xác định được dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) và ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trong Báo cáo tài chính.

Về nội dung này, công ty HUD3 giải trình như sau: Hiện nay, công ty HUD3 vẫn tiếp tục làm việc với Chủ đầu tư để phê duyệt nghiệm thu, quyết toán của công trình 02 nhà công vụ Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ cơ khí Quang Trung để trình chủ đầu tư phê duyệt. Nếu được phê duyệt, giá trị doanh thu của công trình còn được ghi nhận khoảng 25 tỷ đồng. Khi nào nhận được quyết toán, Công ty HUD3 sẽ cung cấp cho đơn vị kiểm toán trong thời gian sớm nhất.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhân:

- Như đề gửi;
- Lưu VT, TCKT, CBTT.



CÔNG TY CP ĐT VÀ XD HUD3

GIÁM ĐỐC

Dinh Hoàng Hùng